

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 15/8/2024
V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Bà Trần Thị Chơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2024/QĐXXPT-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Cao Thành Đ**, sinh năm 1998

Địa chỉ: **Số E Đ, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.**

Chỗ ở hiện nay: **Số A Q, P. V, TP., tỉnh Kiên Giang**

- *Bị đơn:* Chị **Phan Thị Thùy D**, sinh năm 1997

Địa chỉ: **Số G N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.**

Chỗ ở hiện nay: **Số A Q, P. V, TP., tỉnh Kiên Giang**

- *Người kháng cáo:* Bị đơn chị **Phan Thị Thùy D**.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn anh Cao Thành Đ trình bày:** Anh và chị Phan Thị Thùy D tự quen biết, yêu thương nhau, tổ chức lễ cưới vào tháng 8/2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/3/2019.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2020 thì thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, chị D ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường hay cự cãi, bất hòa. Anh đã nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Cảm thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Cao Ngọc An N, sinh ngày 23/3/2019, giới tính nữ, hiện đang sống chung với chị D. Anh Đ tự nguyện giao con chung cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn chị Phan Thị Thùy D:** từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bị đơn chị Phan Thị Thùy D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 43/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Cao Thành Đ.
Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Thành Đ được ly hôn với chị Phan Thị Thùy D.

Về con chung: Giao người con chung tên Cao Ngọc An N, sinh ngày 23/3/2019 cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là ngày 01/5/2024 và ngày 01 của các tháng, các năm tiếp theo cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải cấp dưỡng nuôi con chung cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Đ lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

- Ngày 07 tháng 5 năm 2024, bị đơn chị Phan Thị Thùy D kháng cáo: không đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn 500.000 đồng/tháng, đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn anh Cao Thành Đ trình bày: Hiện nay công việc chính của anh Đ là làm trong Ban quản lý chợ có mức thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 4.000.000 đồng, nên chị D yêu cầu cấp dưỡng cho con chung là An Nhiên mỗi tháng 3.000.000đ thì anh không có khả năng. Anh Đ chấp nhận cấp dưỡng cho con chung là cháu An N mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Bị đơn chị Phan Thị Thùy D: Thống nhất cho anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là Cao Ngọc An N sinh ngày 23/3/2019 mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) khi bản án có hiệu lực đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Nếu thời gian sau do nhu thiết yếu sinh sống học hành của Cao Ngọc An N và thu nhập của anh Đ tăng thêm thì chị D có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn đối với anh Đ, nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy việc thỏa thuận tăng mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là Cao Ngọc An N sinh ngày 23/3/2019 giữa anh Đ và chị D là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp theo thu nhập thực tế của người cấp dưỡng là anh Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần Bản án sơ thẩm về mức cấp

dưỡng nuôi con sau ly hôn. Anh **D** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung **Cao Ngọc An N**, sinh ngày 23/3/2019 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung: Các bên không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[2] Về cấp dưỡng con chung: Xét kháng cáo của bị đơn chị **Phan Thị Thùy D** yêu cầu anh **Cao Thành Đ** tăng mức cấp dưỡng nuôi con chung lên 3.000.000 đồng/tháng. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm chị **D** không cung cấp chứng cứ về mức thu nhập ổn định của anh **Đ**. Đối với anh **Đ** cung cấp xác nhận của **Ban Q** mỗi tháng là 4.160.000đ. Anh **Đ** và chị **D** thỏa thuận giao cháu **An N** cho chị **D** trực tiếp nuôi dưỡng và thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con chung **Cao Ngọc An N** mỗi tháng 1.500.000đ, tính từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi.

Xét thấy việc thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn giữa anh **Đ** và chị **D** là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo thu nhập hiện tại của anh **Đ**. Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát, công nhận sự thỏa thuận của anh **Đ** và chị **D**. Giao cháu **Cao Ngọc An N**, sinh ngày 23/3/2019 cho chị **D** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **Đ** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung **Cao Ngọc An N** mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), tính từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi.

Chị **D** có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn đối với anh **Đ** khi mức cấp dưỡng không còn phù hợp với nhu thiết yếu sinh sống học hành của **Cao Ngọc An N** và khi thu nhập của anh **Đ** tăng thêm. Nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: án phí sơ thẩm giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Chị **Phan Thị Thùy D** không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận, chị **D** được hoàn trả 300.000đ theo biên lai thu 0004596 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ; Khoản 5, 6 Điều 27, khoản 6 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị **Phan Thị Thùy D.**

- Sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang về mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Cao Thành Đ.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Cao Thành Đ** được ly hôn với chị **Phan Thị Thùy D.**

2. Về con chung: Giao người con chung tên **Cao Ngọc An N**, sinh ngày 23/3/2019, giới tính nữ cho chị **D** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh **Đ** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi **Cao Ngọc An N** đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải cấp dưỡng nuôi con chung cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, anh **Đ** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh **Đ** lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **D** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **Đ**.

Chị **D** có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn đối với anh **Đ** khi mức cấp dưỡng không còn phù hợp với nhu thiết yếu sinh sống học hành của **Cao Ngọc An N** và khi thu nhập của anh **Đ** tăng thêm. Nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Đ** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Anh **Cao Thành Đ** phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng: Anh **Cao Thành Đ** phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng anh **Đ** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007455, ngày 26/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, anh **Đ** còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Chị **D** không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **D** đã nộp theo biên lai thu số 0004596 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THADS TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hương